

# ĐẢM BẢO SỰ VÔ TƯ CỦA NGƯỜI TIẾN HÀNH TỔ TỤNG, NGƯỜI PHIÊN DỊCH, NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

*Nguyễn Ngọc Chí\**

Sự vô tư của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là một trong những điều kiện quan trọng có tính chất quyết định để vụ án được giải quyết khách quan, không làm oan người vô tội và để lọt tội phạm. Vì vậy, đảm bảo sự vô tư của người tiến hành tố tụng, người phiên dịch, người giám định được coi là một trong những nguyên tắc cơ bản của luật tố tụng hình sự (TTHS). Bài viết này bàn đến việc đảm bảo sự vô tư của những người đó trong quá trình giải quyết vụ án.

1. Xác định sự thật khách quan và giải quyết vụ án khách quan, đảm bảo công bằng là đòi hỏi tất yếu của TTHS trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, khi điều tra, truy tố, xét xử thường có sự không “cân bằng”, không bình đẳng giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng với bị can, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác do một bên là đại diện cho công quyền với đầy đủ sức mạnh của quyền lực, pháp luật, một bên là những người bị nghi là phạm tội không có những sức mạnh và điều kiện như vậy.

Người tiến hành tố tụng, người phiên dịch, người giám định là những người thay mặt Nhà nước có trách nhiệm thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm làm rõ bản chất vụ án. Việc vô tư của họ khi tiến hành tố tụng có ý nghĩa quan trọng góp phần vào việc giải quyết vụ án một cách khách quan nên luật TTHS coi sự vô tư của người tiến hành tố tụng (NTHTT), người phiên dịch, người giám định là nguyên tắc cơ bản. Điều

14 Bộ luật TTHS qui định: “Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án không được tiến hành tố tụng hoặc người phiên dịch, người giám định không được tham gia tố tụng, nếu có lý do xác đáng để cho rằng họ có thể không vô tư trong khi thực hiện nhiệm vụ của mình”. Sự vô tư của những người này được hiểu là trong quá trình giải quyết họ phải có thái độ công tâm khi thu thập, đánh giá chứng cứ và kết luận các vấn đề của vụ án, phải dựa vào các qui định của pháp luật làm căn cứ, hướng tới công lý, bình đẳng làm mục tiêu của toàn bộ hoạt động tố tụng, không vì tình riêng mà thiên vị đưa ra các quyết định không phù hợp với thực tế khách quan và trái pháp luật. Ông Bao Công “thiết diện, vô tư” khi “thăng đường” là mẫu hình lý tưởng để thẩm phán và những người tiến hành tố tụng khác noi theo, đồng thời cũng là thân tượng và ước muốn của nhân dân bao đời nay.

Tuy nhiên, sự vô tư của NTHTT, người phiên dịch, người giám định chịu tác động của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan nên bên cạnh việc giáo dục, nâng cao đạo đức đối với họ cần có cơ chế pháp lý để ngăn ngừa khả năng dẫn đến sự không vô tư khi tiến hành tố tụng ở họ. Cơ chế này phải được qui định cụ thể, rõ ràng trong luật tố tụng hình sự làm cơ sở pháp lý cho việc ngăn ngừa sự không vô tư của NTHTT, người phiên dịch, người giám định, phù hợp với thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm và tâm lý, đạo đức truyền thống Việt

\* TS. Luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Nam. Cơ chế cũng cần tạo một thủ tục chặt chẽ nhưng đơn giản, thuận tiện cho việc thay đổi NTHTT, người phiên dịch, người giám định bằng việc để cho họ tự mình từ chối tiến hành tố tụng khi có những căn cứ luật định, cơ quan có thẩm quyền chỉ quyết định thay đổi khi những người này không tự nguyện. Sự chủ động từ chối tham gia tố tụng của NTHTT, người phiên dịch, người giám định trong trường hợp này thể hiện sự hiểu biết và tôn trọng pháp luật của đội ngũ cán bộ trong các cơ quan tư pháp, đồng thời làm đơn giản hoá thủ tục tố tụng cũng như gánh nặng cho các cơ quan tiến hành tố tụng.

2. Bộ luật TTHS 2003 qui định những lý do xác đáng để cho rằng người tiến hành tố tụng, người phiên dịch, người giám định có thể sẽ không vô tư. Đây là những căn cứ có khả năng dẫn đến sự không vô tư của NTHTT, người phiên dịch, người giám định và sự ngăn chặn nó là cần thiết trong quá trình giải quyết vụ án hình sự. Các điều 42, 43, 44, 45, 46, 47 và Điều 60, 61 Bộ luật TTHS qui định những căn cứ và thẩm quyền thay đổi người tiến hành tố tụng, người phiên dịch, người giám định nhằm đảm bảo sự vô tư của họ trong quá trình giải quyết vụ án. Đó là: a) Người tiến hành tố tụng, người phiên dịch, người giám định đồng thời là người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án; là người đại diện hợp pháp, người thân thích của những người đó hoặc của bị can, bị cáo; b) Người tiến hành tố tụng đã tham gia với tư cách là người bào chữa, người làm chứng, người giám định, người phiên dịch trong vụ án đó; Và người giám định, người phiên dịch đã là một trong những người tiến hành tố tụng của vụ án đó. c) Không được giữ nhiều vai trò của người tiến hành tố tụng trong cùng một vụ án. Nếu một người đã tiến hành tố tụng với vai trò điều tra viên thì không được tiến hành tố tụng với tư cách Kiểm sát viên

hoặc Thẩm phán và ngược lại; d) Có căn cứ rõ ràng khác để cho rằng NTHTT, người phiên dịch, người giám định có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ. Những căn cứ đó có thể là NTHTT, người phiên dịch, người giám định có mối quan hệ gần gũi, mật thiết hoặc có mâu thuẫn nghiêm trọng, thù hằn với người tham gia tố tụng trong cùng vụ án v.v.

Khi có những căn cứ nêu trên NTHTT, người phiên dịch, người giám định phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc buộc phải thay đổi nếu họ không từ chối. Quyền thay đổi người tiến hành tố tụng, người phiên dịch, người giám định do Thủ trưởng cơ quan Điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát, Chánh án Tòa án hoặc Hội đồng xét xử quyết định tùy theo việc thay đổi đó ở giai đoạn tố tụng nào.

Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng có quyền và lợi ích liên quan đến vụ án như: bị can, bị cáo, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự... có quyền đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng. Khi nhận được yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng, những người có thẩm quyền nêu trên xem xét quyết định.

Cơ chế đảm bảo sự vô tư của những người tiến hành tố tụng, người phiên dịch, người giám định đã được qui định trong Bộ luật TTHS và được hướng dẫn thi hành bởi các cơ quan tiến hành tố tụng (Xem Nghị quyết số 03/2004/NQ-HĐTP ngày 2/10/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ nhất “*Những qui định chung*” của Bộ luật TTHS 2003, Quyết định số 41/2005 QĐ-VKSNDTC ngày 02/3/2005 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao). Theo đó, những hướng dẫn này đã cụ thể hóa những qui định của Bộ luật TTHS về căn cứ và thủ tục từ chối hoặc buộc phải quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng đã tạo ra cơ chế đảm bảo sự vô tư của người tiến hành tố tụng, người

phiên dịch, người giám định, góp phần giải quyết vụ án một cách khách quan.

3. Những qui định trên tuy đã tạo ra được cơ chế đảm bảo sự vô tư của người tiến hành tố tụng, người giám định, người phiên dịch nhưng qua quá trình áp dụng còn bộc lộ những hạn chế, khiếm khuyết cần hoàn thiện nhằm đảm bảo tính khách quan trong quá trình giải quyết vụ án hình sự và đáp ứng yêu cầu của Nghị quyết 49-NQ/TW ngày 2/6/2005 của Bộ Chính trị “Về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”, đó là những vấn đề sau:

*Thứ nhất*, theo qui định của Điều 42 Bộ luật TTHS thì đối tượng phải từ chối hoặc thay đổi tiến hành tố tụng khi có những căn cứ qui định tại khoản 1, 2, 3 của điều luật này là người tiến hành tố tụng. Do vậy, sẽ bao gồm: a) Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên; Chánh án, Phó chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án. Song, khi qui định căn cứ từ chối hoặc thay đổi người tiến hành tố tụng cụ thể tại các điều 44, 45, 46, 47 Bộ luật TTHS chỉ có các đối tượng là Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án, Điều tra viên là Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Kiểm sát viên là Viện trưởng Viện kiểm sát, Chánh án Tòa án mà không có Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Phó chánh án Tòa án. Qui định này dẫn đến những cách hiểu sau: a) Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Phó Chánh án Tòa án không phải là người tiến hành tố tụng; b) Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Phó chánh án Tòa án nếu là người tiến hành tố tụng khi có những căn cứ từ chối hoặc thay đổi theo qui định của pháp luật cũng không phải từ chối hoặc thay đổi khi họ tiến hành tố tụng; c) Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Phó chánh án Tòa án chỉ tiến hành

tố tụng với vai trò là Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán chứ không có vai trò phó của người đứng đầu các cơ quan tiến hành tố tụng. Những cách hiểu trên đều không phù hợp với qui định về người tiến hành tố tụng tại Điều 33 Bộ luật TTHS bao gồm cả Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Phó chánh án Tòa án và Điều 42 Bộ luật TTHS: “Người tiến hành tố tụng phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc thay đổi, nếu:...”. Như vậy, đã không có sự đồng nhất giữa các điều luật trong Bộ luật TTHS dẫn đến những cách hiểu khác nhau, khó áp dụng trong thực tiễn và quan trọng hơn là làm cho vụ án không được giải quyết một cách khách quan khi Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Phó Chánh án Tòa án có những căn cứ phải từ chối hoặc thay đổi tiến hành tố tụng mà không phải từ chối hoặc thay đổi tiến hành tố tụng.

*Thứ hai*, qui định nếu Điều tra viên là Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Kiểm sát viên là Viện trưởng Viện kiểm sát, Thẩm phán là Chánh án khi có các căn cứ từ chối hoặc thay đổi tiến hành tố tụng do các cơ quan tiến hành tố tụng cấp trên trực tiếp tương ứng quyết định (khoản 2, các điều 44, 45, 46 Bộ luật TTHS) được hiểu là: những người đứng đầu các cơ quan tiến hành tố tụng chỉ bị từ chối hoặc thay đổi khi họ tiến hành tố tụng với tư cách là Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán còn trường hợp họ tiến hành tố tụng với tư cách đại diện cho cơ quan tiến hành tố tụng sẽ không phải từ chối hoặc thay đổi nếu có những căn cứ pháp luật. Thực chất qui định này là phù hợp bởi không thể thay đổi người đứng đầu cơ quan tiến hành tố tụng chỉ vì những khả năng có thể dẫn đến sự không vô tư khi tiến hành giải quyết một vụ án cụ thể với những qui trình phức tạp của việc bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo theo qui định của pháp luật nước ta hiện nay. Tuy nhiên, những người đứng đầu cơ quan tiến hành tố tụng lại có vai trò quan

trọng trong việc giải quyết vụ án và do vậy dù họ có bị thay đổi với tư cách là Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán thì ảnh hưởng của họ cũng tác động nhiều đến quá trình giải quyết vụ án. Có thể khắc phục hạn chế này bằng cách pháp luật cần qui định chặt chẽ vị trí độc lập của Điều tra viên, Kiểm sát viên, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án khi tiến hành tố tụng, hạn chế sự tác động của những người đứng đầu các cơ quan tiến hành tố tụng.

*Thứ ba*, việc qui định Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra; Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Chánh án, Phó Chánh án Tòa án là NTHTT của Bộ luật TTHS 2003 là điểm mới so với Bộ luật TTHS 1988 nhằm nâng cao chất lượng hoạt động và đề cao trách nhiệm của người tiến hành tố tụng khi giải quyết vụ án theo tinh thần Nghị quyết 08-NQ/TW của Bộ Chính trị “Về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp thời gian tới”. Với định hướng này, Bộ luật TTHS 2003 đã xác định rõ trách nhiệm từng chức danh tiến hành tố tụng, nhất là có sự phân biệt chức năng quản lý và chức năng tố tụng của người đứng đầu các cơ quan tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, ở đây cũng có vấn đề cần bàn lại. Tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật TTHS 2003 qui định cơ quan tiến hành tố tụng gồm: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án với các quyền hạn và trách nhiệm tố tụng tương ứng với chức năng của các cơ quan này trong quá trình tiến hành tố tụng. Các cơ quan tiến hành tố tụng là một loại chủ thể trong số các chủ thể của tố tụng hình sự đại diện cho Nhà nước tiến hành các hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án và có vai trò quan trọng đối với việc giải quyết vụ án khách quan, nghiêm trị mọi hành vi phạm tội, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Khi thực hiện các quyền và trách nhiệm tố tụng của mình, các cơ quan này phải thông qua người đại diện đó là người đứng đầu Cơ quan điều tra, Viện

kiểm sát, Tòa án. Vì vậy, cần phải xác định Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát, Chánh án Tòa án là người đại diện cơ quan tiến hành tố tụng có nghĩa vụ thực thi quyền hạn và trách nhiệm tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng do mình quản lý. Rất tiếc, Bộ luật TTHS 2003 lại không có qui định này mà chỉ qui định Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát, Chánh án Tòa án là NTHTT với các quyền hạn trách nhiệm trong lĩnh vực quản lý và tố tụng. Những qui định này của Bộ luật TTHS 2003 đã dẫn đến sự không rõ ràng về trách nhiệm giữa người đại diện cơ quan tiến hành tố tụng với trách nhiệm của người đứng đầu Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án khi tiến hành tố tụng với tư cách người tiến hành tố tụng. Chính sự không rõ ràng này đã ảnh hưởng tới sự vô tư của họ trong quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, ngoài quyền hạn và trách nhiệm của NTHTT thì Bộ luật TTHS 2003 cần bổ sung qui định Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng Viện kiểm sát, Chánh án Tòa án là người đại diện cho cơ quan tiến hành tố tụng có trách nhiệm thực thi các quyền hạn, trách nhiệm của cơ quan tiến hành tố tụng do họ quản lý.

*Thứ tư*, ngoài các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, Bộ luật TTHS 2003 còn qui định các cơ quan khác được giao tiến hành một số hoạt động tố tụng. Theo Điều 111 Bộ luật TTHS 2003 các cơ quan Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra với các quyền hạn, trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án. Khi tiến hành hoạt động tố tụng các cơ quan đó phải thông qua những con người cụ thể là nhân viên hoặc người quản lý cơ quan. Những cơ quan này tham gia vào quá trình tố tụng ở giai đoạn đầu nhằm phát hiện tội phạm và thu thập củng cố chứng cứ về tội

phạm và người phạm tội cũng như các tình tiết khác của vụ án có liên quan làm cơ sở cho việc điều tra, truy tố, xét xử của các cơ quan tiến hành tố tụng trong các giai đoạn tiếp theo của quá trình tố tụng. Do vậy, cán bộ của các cơ quan này thực chất đã làm những công việc của người tiến hành tố tụng và họ cũng phải tuân theo nguyên tắc "đảm bảo sự vô tư" khi tiến hành tố tụng. Nếu ở những người này có căn cứ sẽ không vô tư khi thực thi nhiệm vụ họ cũng phải có trách nhiệm từ chối hoặc bị thay đổi. Có như vậy tính khách quan trong quá trình tiến hành tố tụng mới được giải quyết trọn vẹn ngay từ đầu. Với lập luận này thì Bộ luật TTHS 2003 còn thiếu qui định về việc từ chối hoặc thay đổi người tiến hành một số hoạt động tố tụng ở các các cơ quan Bộ đội biên phòng, Hải quan, Kiểm lâm, lực lượng Cảnh sát biển và các cơ quan khác của Công an nhân dân, Quân đội nhân dân. Bộ luật TTHS cần khắc phục hạn chế này.

*Thứ năm*, Bộ luật TTHS 2003 quy định người giám định phải từ chối hoặc bị thay đổi khi có một trong các căn cứ: họ đồng thời là người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, là người đại diện hợp pháp, người thân thích của những người đó hoặc của bị can, bị cáo; có căn cứ rõ ràng khác để cho rằng họ có thể không vô tư trong khi làm nhiệm vụ; đã tiến hành tố tụng với tư cách là Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên, Chánh án, Phó Chánh án Tòa án, Thẩm phán, Hội thẩm, Thư ký Tòa án hoặc đã tham gia với tư cách là người bào chữa, người làm chứng, người phiên dịch trong vụ án đó. Việc thay đổi người giám

định do cơ quan trung cầu quyết định (khoản 3 Điều 60). Tuy nhiên, khi qui định những trường hợp người giám định không được tiến hành giám định tư pháp tại Điều 37 Pháp lệnh Giám định tư pháp năm 2004 lại không qui định căn cứ người giám định đã tiến hành tố tụng với tư cách Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Chánh án, Phó Chánh án Tòa án. Như vậy, đã không có sự phù hợp giữa Bộ luật TTHS 2003 với Pháp lệnh Giám định tư pháp 2004 về các căn cứ từ chối hoặc bị thay đổi đối với người giám định. Theo qui định của Điều 37, Pháp lệnh giám định tư pháp thì một người đã tiến hành tố tụng với tư cách Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Chánh án, Phó Chánh án Tòa án thì vẫn có thể được thực hiện giám định tư pháp ở vai trò của người giám định. Quy định này ngoài việc mâu thuẫn với qui định của Bộ luật TTHS 2003, còn bộc lộ sự bất cập trong việc đảm bảo tính khách quan của quá trình giải quyết vụ án do những người đã tiến hành tố tụng với tư cách Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng Cơ quan điều tra, Viện trưởng, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát, Chánh án, Phó chánh án Tòa án đã ít nhiều có liên quan đến quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, nếu để họ tiếp tục tham gia vụ án với tư cách người giám định sẽ dẫn tới khả năng không vô tư khi tiến hành tố tụng.

Trên đây là một số ý kiến bước đầu nhằm định hướng hoàn thiện pháp luật TTHS nước ta nhằm nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng và chống tội phạm, góp phần thực hiện nghiêm chỉnh các nguyên tắc của luật TTHS và phục vụ chiến lược cải cách tư pháp ở nước ta hiện nay.